|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THỊ TRẤN GIA LỘC****NĂM HỌC 2019-2020****------------------** | **ĐỀ THI THỬ VÀO LỚP 10 THPT CÔNG LẬP****MÔN HÓA HỌC 9***Đề thi gồm 02 trang**Thời gian làm bài 45 phút* |

**Câu 1.** Khí sunfuzo có công thức hóa học là:

A. CaO. B. BaO. C. SO2. D. Na2O.

**Câu 2.** Vôi sống tác dụng với tất cả các chất trong dãy nào dưới đây:

A. H2O; SO2; dung dịch H2SO4. B. H2O; MgO; dung dịch KOH

C. H2O; CuO; BaCO3. D. H2O; Na2O; NaCl.

**Câu 3.** Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch axit là

A. K2O.                   B. CuO.                  C. P2O5.                  D. CaO.

**Câu 4.** Chất tác dụng với dung dịch HCl  tạo thành chất khí nhẹ hơn không khí là:

A.  Mg                    B.  K2S                     C.  MgCO3                  D.  Na2SO3

**Câu 5.** Dãy chất nào sau đây là dẫn xuất hiđrocacbon?

 A. CH4, C2H5, C3H8, C5H12 B. C2H6O,CH4,C2H4O2,C2H5Cl

C. CH3Cl,C2H6O,C12H22O11,C15H31COOH D. C6H12O6,CH4,C6H5Cl,C4H9Cl

**Câu 6.** Độ rượu là: (Mức 1)

A. số ml rượu etylic có trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước.

B. số ml nước có trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước.

C. số gam rượu etylic có trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước.

D. số gam nước có trong 100 gam hỗn hợp rượu với nước.

**Câu 7.** Nhóm chất tác dụng với dung dịch  HCl và với dung dịch H2SO4 loãng là:

A.  CuO,  BaCl2,  ZnO                                        B.  CuO,  Zn,  ZnO

C. CuO,  BaCl2,  Zn                                            D.  BaCl2,  Zn,  ZnO

**Câu 8**. Khí SO2 có lẫn hơi nước, chất dùng để làm khô khí SO2 là (mức 2)

A. CaO mới nung. B. NaOH rắn.

C. dung dịch H2SO4 loãng. D. Dung dịch H2SO4 đặc.

**Câu 9.** Rượu etylic tác dụng được với natri vì ( mức 2)

A. trong phân tử có nguyên tử oxi.

B. trong phân tử có nguyên tử hiđro và nguyên tử oxi.

C. trong phân tử có nguyên tử cacbon, hiđro và nguyên tử oxi.

D. trong phân tử có nhóm – OH.

**Câu 10:** Cho chuỗi phản ứng sau :X  C2H5OH  Y  CH3COONa

Chất X, Y lần lượt là ( mức 2)

A. C6H12O6, CH3COOH C. C6H12O6, C2H5ONa

B. CH4, CH3COOH D. CH3COOH, C2H5ONa.

**Câu 11.** Hiện tượng quan sát được khi cho mẩu kim loại Na vào nước có hòa tan Phenolphtalein:

A. Có khí thoát ra và dung dịch có màu xanh.

B. Có khí thoát ra và dung dịch có màu tím.

C. Có khí thoát ra và dung dịch có màu hồng.

D. Có khí thoát ra và dung dịch không màu.

**Câu 12**. Nhỏ H2SO4 đặc vào cốc thủy tinh có chứa đường saccarozo, sau một thời gian người ta thấy đường chuyển thành một khối màu đen xốp. Hiện tượng này được giải thích theo phương trình:

A.C12 H22 O11  → 11H2O + 2C ( Điều kiện có H2SO4 đặc)

B. C12 H22 O11  + H2O → 2C6 H12 O6 ( Điều kiện có H2SO4 đặc)

C. C12 H22 O11  → CO2 + H2O ( Điều kiện có H2SO4 đặc)

D. C12 H22 O11  → C2H5OH + CO2

**Câu 13**. Quá trình nào sau đây không sinh ra khí cacbonic?

 A. Đốt cháy sản phẩm của dầu mỏ. B. Quá trình sản xuất vôi sống.

C. Quá trình sản xuất gang, thép. D. Quá trình quang hợp của cây xanh.

**Câu 14.** Khí etilen làm cho trái cây mau chín, đó là do:

A. Etilen phản ứng với hơi nước trong không khí toả nhiệt nên quả mau chín.

B. Etilen phản ứng với nước có trong trái cây, toả nhiệt nên làm quả cây mau chín.

C. Etilen kích thích sự hô hấp của tế bào trái cây làm cho quả xanh mau chín.

D. Etilen cho phản ứng cộng với dung dịch brom.

**Câu 15:** Có ba lọ không nhãn đựng : rượu etylic, axit axetic, dầu ăn. Có thể phân biệt bằng cách nào sau đây

A.Dùng quỳ tím và nước. C. Kim loại natri và nước.

B. Khí cacbon đioxit và nước. D. Phenolphtalein và nước.

**Câu 16**. Có 3 khí đựng riêng trong 3 lọ mất nhãn là: clo, hiđro clorua, oxi. Phương pháp hóa học nào sau đây có thể nhận biết từng khí trong mỗi lọ?

 A. Dung dịch NaOH. B. Que đóm còn tàn hồng.

 C. Dung dịch AgNO3. D. Quỳ tím tẩm ướt.

**Câu 17**. Hòa tan 11 gam hỗn hợp Al, Fe trong dung dịch H2SO4 loãng dư, thu được 8,96 lít khí ở đktc. Phần trăm về khối lượng kim loại Al, Fe trong hỗn hợp lần lượt là:

A. 49,1% ; 50,9% B. 33,8% ; 66,2%

C. 60% ; 40% D. 50,9% ; 49,1%

**Câu 18**. Cho 10,6 gam muối cacbonat kim loại (chưa biết hóa trị) tác dụng hết với dung dịch HCl, thu được 2,24 lít khí cacbonic ở đktc. Công thức hóa học của muối là:

A. K2CO3 B. Na2CO3 C. MgCO3 D. CaCO3

**Câu 19**. Hòa tan hoàn toàn 9 gam kim loại M cần dùng hết 400ml dung dịch HCl 2,5M. Kim loại M là:

A. Ca B. Mg C. Al D. Fe

**Câu 20**. Đốt cháy hoàn toàn V lít hỗn hợp khí metan và etylen ở đktc, cần dùng 15,68 lít khí oxi ở đktc. Thu được 8,96 lít khí cacbonic ở đktc. V có giá trị là:

A. 15,68 B. 8,96 C. 6,72 D. 24,64

**Câu 21**. Đốt cháy hoàn toàn 6,0 gam chất hữu cơ A rồi cho sản phẩm thu được qua bình 1 đựng dung dịch H2SO4 đặc, sau đó qua bình 2 đựng dung dịch Ca(OH)2 dư. Sau phản ứng thấy khối lượng bình 1 tăng thêm 3,6 gam, bình 2 có 20 gam kết tủa. Công thức đơn giản của A là:

A. C2H6O **B. C3H8O** C. C2H4O2 D. C2H4

**Câu 22**: Đốt cháy 0,2 mol kim loại Mg trong không khí. Khối lượng sản phẩm thu được là:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. 4,0 g
 | 1. 12,o g
 |
| 1. 8,0 g
 | 1. 16,0 g
 |

**Câu 23:** Hòa tan 18,8 gam K2O vào nước được 200 ml dung dịch. Nồng độ mol của dung dịch thu được là:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. 0,5 M
 | 1. 0,1 M
 |
| 1. 1 M
 | 1. 2 M
 |

**Câu 24**: Trộn một dung dịch có chứa 0,2 mol Na2SO4 với dung dịch có chứa 0,3 mol BaCl2. Khối lượng kết tủa thu được là:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. 46,6 g
 | 1. 69,9 g
 |
| 1. 23,3 g
 | 1. 34,95 g
 |

**Câu 25**: Cho 10 gam CaCO3 tác dụng hết với Axit axetic. Thể tich khí cacbonic thu được ở đktc là:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. 2,24 lít
 | 1. 4,48 lít
 |
| 1. 1,12 lít
 | 1. 22,4 lít
 |